

Cấu trúc nghiên cứu quan hệ quốc tế dựa trên phân tích thành tố

Hoàng Khắc Nam*, Lê Lêna**

Nhận ngày 11 tháng 02 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Mọi mối quan hệ quốc tế (QHQT) đều có 6 thành tố cơ bản bao gồm mục đích, hành vi, kết quả, các yếu tố bên trong, các yếu tố bên ngoài và nhận thức chủ quan. Các thành tố này đều đóng vai trò quan trọng và gắn liền với bản chất của QHQT. Giữa chúng có sự tác động qua lại với nhau và cùng nhau tạo nên tính chỉnh thể của QHQT. Sự thay đổi của những thành tố này dẫn đến sự thay đổi các mối liên hệ và từ đó là sự vận động của QHQT. Vì thế, có thể coi các thành tố này như những hằng số trong cấu trúc nghiên cứu quan hệ quốc tế. Việc xác định cấu trúc nghiên cứu như vậy sẽ giúp xây dựng khung phân tích cho việc nghiên cứu quan hệ quốc tế trong các trường hợp cụ thể.

Từ khóa: Quan hệ quốc tế, khung phân tích, cấu trúc nghiên cứu.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: Every international relation comprises six fundamental elements, including objectives, behavior, outcomes, internal factors, external factors, and subjective perception. These elements play crucial roles and are intrinsic to the nature of international relations. They interact with one another and collectively shape the wholeness of international relations. Changes in these elements lead to alternations in relations/linkage, thus influencing the overall movement of international relations. Consequently, these elements serve as constants within the research structure of international relations. The identification of such a research structure facilitates the constructions of an analytical framework for studying international relations in specific cases.

Keywords: International relations, analytical framework, research structure.

Subject classification: Political science

1. Mở đầu

Từ khi có chính sách mở cửa và nhu cầu hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu QHQT ở nước ta đã có nhiều phát triển. Những phát triển này được thể hiện chủ yếu trên ba phương diện: Số lượng các cơ sở và nhân lực nghiên cứu quốc tế tăng lên trên khắp cả nước; Chủ đề, lĩnh vực, nội dung và hình thức nghiên cứu ngày càng đa dạng và cập nhật; Tính khoa học với sự áp dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu cũng được nâng cao rõ rệt.

Tuy nhiên, trên ba phương diện này, những tiến bộ trong phương diện thứ ba dường như chậm chạp hơn. Cả lý thuyết QHQT và phương pháp riêng trong QHQT chưa được nghiên cứu nhiều và vì thế dẫn đến tình trạng lý thuyết ít được tham chiếu, phương pháp khoa học chưa được áp dụng nhiều. Một trong những biểu hiện của tình trạng này là việc chưa chú ý đúng mức đến khung phân tích. Sự thiếu vắng khung phân tích diễn ra ngay trong rất nhiều nghiên cứu về quan hệ giữa các quốc gia vốn là đối tượng được quan tâm nhiều nhất trong nghiên cứu QHQT ở Việt Nam.

*,** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: hknam84@yahoo.com, lelenavn@gmail.com

Với mong muốn góp phần nâng cao tính khoa học trong nghiên cứu QHQT, bài viết này cố gắng nghiên cứu bước đầu về khung phân tích quan hệ trong nghiên cứu QHQT. Gọi là “bước đầu” bởi một khung phân tích thường đòi hỏi phải có cấu trúc nghiên cứu cùng với phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu đi kèm. Tuy nhiên, phương pháp và kỹ thuật trong từng trường hợp nghiên cứu cụ thể sẽ rất đa dạng và khác nhau do phụ thuộc vào những dữ liệu riêng và mục tiêu nghiên cứu khác nhau. Trong khi đó, cấu trúc nghiên cứu thường có tính ổn định hơn do được xây dựng chủ yếu dựa trên các thành tố cơ bản của QHQT và mối liên hệ giữa chúng. Các thành tố và mối liên hệ này đều hiện diện trong mọi môi trường QHQT nên có tính phổ quát hơn và do đó có thể tham chiếu vào nghiên cứu QHQT nói chung. Thực tế cho thấy cũng chỉ “có thể tham chiếu” bởi các thành tố và mối liên hệ giữa chúng vẫn có sự khác nhau tùy từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.

Để tiện theo dõi, bài viết sẽ được chia thành hai phần: Phần đầu sẽ trình bày về những thành tố cơ bản, đặc trưng của mối quan hệ giữa các chủ thể QHQT. Phần thứ hai sẽ phân tích mối liên hệ giữa chúng. Trên cơ sở đó, phần Kết luận sẽ đưa ra nhận xét đánh giá về khả năng áp dụng cấu trúc nghiên cứu này cho khung phân tích nghiên cứu QHQT.

2. Các thành tố cơ bản đặc trưng của mối quan hệ quốc tế

Để có cơ sở xây dựng khung phân tích QHQT, việc đầu tiên là phải xác định những yếu tố nào sẽ được đưa vào cấu trúc nghiên cứu của khung phân tích. Bởi đối tượng nghiên cứu là QHQT nên những yếu tố được chọn lựa thường là những yếu tố cấu thành nên QHQT. Trong bất kỳ mối quan hệ nào giữa người và người hay giữa các chủ thể QHQT đều có 6 thành tố chính. Đó là mục đích, hành vi, kết quả, nhận thức chủ quan, các yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Gọi là thành tố bởi đây là 6 bộ phận cơ bản và đặc trưng làm nên mọi mối quan hệ giữa các chủ thể QHQT. Cả 6 thành tố này đều không tách rời khỏi quá trình quan hệ, chúng gắn liền với bản chất và sự vận động của QHQT bởi sự biến đổi của mỗi chúng đều có khả năng tạo ra những thay đổi của QHQT. Giữa chúng có sự liên hệ với nhau để tạo nên tính chỉnh thể nhất định của một môi trường QHQT nào đó. Dưới đây, chúng ta sẽ xem xét vai trò của từng thành tố đối với QHQT.

Thứ nhất là mục đích của các chủ thể QHQT. Mục đích tạo ra động cơ để các chủ thể tiến hành quan hệ. Không có mục đích thì chủ thể không có động cơ để tiến hành QHQT và khi đó QHQT sẽ không hình thành. Mục đích này thường được phản ánh trong chính sách đối ngoại và được cụ thể hóa thành những mục tiêu hay lợi ích khác nhau. Thực tế cho thấy tất cả các chủ thể QHQT khi tham gia vào QHQT đều có mục đích với những lợi ích cụ thể. Và trong mọi trường hợp, mục đích luôn là nguyên nhân có trước để sinh ra quan hệ.

Không chỉ là nguyên nhân và là cái có trước, mục đích còn là tác nhân góp phần quy định nên tính chất, trạng thái, độ bền và độ rộng của quan hệ. Mục đích trái ngược nhau hay chia sẻ với nhau có thể tạo nên tính chất xung đột hay hợp tác của quan hệ. Mục đích lớn hay nhỏ có thể khiến cho quan hệ phát triển hay không. Mục đích lâu bền cũng giúp tạo nên độ dài của quan hệ. Mục đích với các lợi ích cụ thể khác nhau quy định nên lĩnh vực quan hệ giữa các chủ thể với nhau.

Thứ hai là hành vi của các chủ thể QHQT. Hành vi ở đây là những hoạt động của chủ thể QHQT nhằm thực hiện lợi ích của mình trong quan hệ với chủ thể khác. Thông thường, hành vi của bên này sẽ đem lại phản ứng từ bên kia và tạo ra sự tương tác giữa hai bên,

từ đó giúp hình thành nên quan hệ. Do QHQT là tương tác qua biên giới quốc gia giữa các chủ thể QHQT nên không có hành vi thì sẽ không có tương tác, mà không có tương tác thì quan hệ giữa các chủ thể không tồn tại. Hành vi của các chủ thể QHQT có nhiều dạng thức khác nhau và thường kết hợp với việc sử dụng những công cụ như ngoại giao, quân sự, kinh tế, văn hóa, truyền thông,... để đem lại kết quả cho quan hệ.

Không chỉ là thành tố tạo ra quan hệ, hành vi còn có khả năng tác động đến tiến trình, mức độ và tính chất quan hệ. Đối với tiến trình, hành vi đem lại sự vận động của quan hệ, một chuỗi những hành vi qua lại với nhau giữa các bên sẽ tạo thành quá trình quan hệ. Chuỗi hành vi theo cùng một hướng sẽ làm nên tính tiến trình hoặc ngược lại. Đối với mức độ quan hệ, hành vi nhiều hay ít, mạnh hay yếu sẽ góp phần đem lại sự liên tục và tính sâu sắc cho quan hệ. Đối với tính chất, hành vi mà các bên lựa chọn phù hợp với nhau hay không cũng sẽ ảnh hưởng đến tính chất quan hệ như làm tăng hoặc giảm xung đột và hợp tác.

Thứ ba, đó là kết quả của quan hệ. Đạt được kết quả có lợi nào đó luôn nằm trong mục đích quan hệ của các chủ thể QHQT. Vì thế, chúng tiến hành tương tác để đạt được kết quả mong muốn đó. Sự tương tác giữa các chủ thể QHQT sẽ đem lại một cái gì đó khác trước và đó chính là kết quả. Như vậy, kết quả chính là công đoạn thứ ba trong quan hệ sau mục đích và hành vi. Kết quả được thúc đẩy bởi mục đích và được tạo ra bởi những hành vi tương tác giữa các chủ thể QHQT.

Vì vai trò như vậy, kết quả đương nhiên có ảnh hưởng nhiều đến QHQT. Không chỉ góp phần tạo ra QHQT, kết quả còn tạo ra tính mới và sự thay đổi của QHQT, từ đó có thể tạo nên một trạng thái quan hệ mới. Kết quả còn có khả năng ảnh hưởng đến tính chất quan hệ như tạo ra xung đột nếu kết quả là được-mất (*win-lose*), hay tạo ra hợp tác nếu kết quả là hai bên cùng được (*win-win*). Ngoài ra, kết quả ở đây không phải là kết quả chung cuộc mà sau kết quả này, các chủ thể thường tiếp tục quan hệ để đạt được kết quả tốt hơn và điều này góp phần đem lại sự vận động và tính quá trình cho QHQT.

Thứ tư là nhận thức chủ quan. QHQT thực chất là quan hệ giữa người và người bởi do con người tiến hành, dựa trên những tính toán của con người và hướng tới lợi ích của con người. Con người là sinh vật có lý trí và tình cảm nên nhận thức chủ quan luôn đồng hành cùng con người trong quá trình QHQT. Thực tế cũng cho thấy, ở đâu có hoạt động của con người với nhau thì ở đó nhận thức chủ quan có tồn tại và tác động. Trong QHQT đương nhiên cũng không phải ngoại lệ. Nhận định tình hình quốc tế thế nào, hoạch định chính sách đối ngoại ra sao đều phụ thuộc nhiều vào nhận thức chủ quan (Solomon, T., 2014: 671-681; Kubáľková, V., 2016: 15-37). Vì sự gắn liền như vậy, cần coi nhận thức chủ quan là một thành tố không tách rời khỏi QHQT. Trong nghiên cứu QHQT, nhận thức chủ quan được quan tâm thường là những nhận thức và các yếu tố liên chủ quan (*intersubjective factors*) có ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại và QHQT. Nhận thức chủ quan thường là của giới lãnh đạo, giới elite và những quan niệm phổ biến đóng vai trò như cấu trúc phi vật chất trong xã hội quốc gia và quốc tế.

Các lý thuyết QHQT mang tính duy vật như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do ít nhiều tính đến các yếu tố thuộc nhận thức chủ quan đối với QHQT dù có đánh giá khác nhau về những yếu tố nào và vai trò của chúng. Hai lý thuyết này đều ghi nhận vai trò của lý trí và bản chất con người (Morgenthau, H. J., 1948; Alfred A. Knopf; Kant, I., 1970).

Riêng Chủ nghĩa Kiến tạo thì đánh giá cao vai trò của nhiều yếu tố liên chủ quan như bản sắc, chuẩn mực, tri thức, văn hóa,... đối với QHQT (Wendt, A., 1992 và 1999). Rõ ràng, nhận thức chủ quan có vai trò thực sự trong QHQT nên mới được cả ba lý thuyết QHQT chính đều ghi nhận dù mức độ đánh giá có khác nhau.

Thứ năm và thứ sáu, các yếu tố bên trong và bên ngoài.

QHQT luôn diễn ra trong bối cảnh trong nước và bối cảnh quốc tế. Đó chính là môi trường bên trong và môi trường bên ngoài của QHQT. Vì thế, quá trình hình thành và vận động của QHQT luôn chịu tác động của những yếu tố bên trong từ môi trường trong nước và những yếu tố bên ngoài từ môi trường quốc tế. Trong đó, các yếu tố bên trong chủ yếu xuất phát từ tình hình đối nội, năng lực quốc gia và sự vận động bên trong cả về nhận thức và thực tiễn (Singer, J. D., 1961: 77-92; Fearon, J. D., 1998: 289-313). Còn các yếu tố bên ngoài chủ yếu xuất phát từ hệ thống - cấu trúc toàn cầu và khu vực cũng như bao gồm cả chính sách và tác động từ những chủ thể QHQT khác (Joseph, J., 2008: 109-128; Wight, C., 2006).

Cả hai nhóm yếu tố này đều có khả năng tác động đến QHQT. Đối với QHQT, các yếu tố này đóng vai trò như “tờ tường” có thể làm thay đổi hướng và cường độ của “dòng điện” quan hệ chạy bên trong tờ tường. Tùy từng trường hợp khác nhau, các yếu tố bên trong và bên ngoài có thể là nguyên nhân, điều kiện hay tác động đối với QHQT.

Đáng chú ý, các tác động từ những yếu tố này đang ngày càng tăng lên trong thời hiện đại khi có thêm nhiều điều kiện thuận lợi. Đối với các yếu tố bên trong, đó là sự phát triển của dân trí, dân chủ và truyền thông. Đối với các yếu tố bên ngoài, đó là sự mở rộng QHQT ra mọi lĩnh vực, chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế của hầu hết quốc gia trên thế giới, sự phụ thuộc lẫn nhau tăng lên và sự phát triển của hệ thống quốc tế. Xu hướng này khiến các yếu tố bên trong và bên ngoài ngày càng tăng tác động và có xu hướng gắn liền với QHQT. Với vai trò quan trọng và tính chất không tách rời như vậy, hoàn toàn có thể coi các yếu tố bên trong và bên ngoài là những thành tố của QHQT.

Với vai trò là thành tố cơ bản, quan trọng và gắn liền với bản chất QHQT, 6 thành tố mục đích/lợi ích, hành vi, kết quả, nhận thức chủ quan, yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài chính là cơ sở quy định nội dung và sự vận động của mọi mối QHQT. Vì thế, để nghiên cứu bất kỳ mối QHQT nào, việc phân tích 6 thành tố này là cần thiết và cần được phân tích đầu tiên. Điều đó đem lại tư cách hằng số của 6 thành tố này trong cấu trúc nghiên cứu của khung phân tích QHQT.

3. Mối liên hệ qua lại giữa các thành tố

Trong khung phân tích QHQT, việc xác định các thành tố như những hằng số là chưa đủ mà còn cần làm rõ mối liên hệ qua lại giữa chúng. Chính nhờ sự liên hệ này mà các thành tố đã được kết nối với nhau để tạo nên QHQT như một chỉnh thể. Mối liên hệ này được phản ánh qua sự tác động lẫn nhau giữa các thành tố. Sự tác động qua lại càng cao chứng tỏ mối liên hệ giữa các thành tố càng lớn. Sự vận động của các thành tố và tương tác giữa chúng làm nên sự vận động của QHQT. Sự biến động của các tương tác này làm tăng độ phức tạp của QHQT. Mối liên hệ qua lại giữa các thành tố dù có tuân theo trật tự nhất định nhưng tác động không giống nhau trong từng trường hợp quan hệ cụ thể và sự khác nhau đó góp phần làm nên đặc thù từng mối quan hệ. Vậy các thành tố có khả năng tác động tới nhau như thế nào? Dưới đây là những khả năng tác động đó.

Khả năng tác động của mục đích tới các thành tố khác

Mục đích của chủ thể QHQT có khả năng tác động khá lớn tới cả 5 thành tố còn lại. Mục đích được cụ thể hóa thành các lợi ích quốc gia, được thể hiện trong chính sách đối ngoại và từ đó trở thành sự hướng dẫn cho các hành vi trong quan hệ đối ngoại của quốc gia. Hầu như các hành vi trong QHQT đều nhằm thực hiện mục đích/lợi ích (Bull, H., 2012; Mearsheimer, J. J., 2001). Mục đích cũng tác động đến việc chủ thể lựa chọn công cụ thích hợp để thực hiện hành vi. Mục đích là yêu cầu đối với kết quả, các lợi ích quốc gia là cái đích mà kết quả cần hướng tới. Như trên đã đề cập, mục đích/lợi ích - hành vi - kết quả là 3 công đoạn của một quá trình quan hệ mà trong đó, mục đích/lợi ích là cái bắt đầu và định hướng cho hai công đoạn còn lại.

Ngoài ra, để đạt được mục đích và những lợi ích của mình, các chủ thể còn tìm cách tác động đến các yếu tố bên trong như ổn định tình hình đối nội, tranh thủ sự ủng hộ trong nước, nâng cao năng lực và công cụ của quốc gia. Đối với các yếu tố bên ngoài, chủ thể cũng thường tìm cách tác động đến các nước khác, đến hệ thống - cấu trúc quốc tế cũng như tranh thủ sự hỗ trợ hoặc có thêm thuận lợi từ bên ngoài cho việc thực hiện lợi ích của mình. Tương tự như vậy là việc các chủ thể còn tác động bằng nhiều cách khác nhau như tuyên truyền chẳng hạn đến nhận thức trong nước cũng như ngoài nước để đạt được sự thông hiểu, chia sẻ hoặc thay đổi nhận thức theo hướng có lợi cho mình.

Khả năng tác động của hành vi tới các thành tố khác

Hành vi thường là cái có sau mục đích bởi nó được triển khai nhằm thực hiện mục đích/lợi ích. Tuy nhiên, hành vi vẫn có khả năng tác động ngược lại mục đích/lợi ích (Krasner, S. D., 1978; Milner, H. V., 1997). Khả năng hành động tự do hay hạn chế của chủ thể QHQT có thể kích thích yêu cầu mở rộng hay thu hẹp lợi ích và thậm chí là thay đổi lợi ích. Đối với kết quả, hành vi là cái có trước bởi kết quả có được là do sự tương tác bằng hành vi của các chủ thể QHQT. Hành vi và công cụ khác nhau thường đem lại những kết quả không giống nhau. Hành vi và công cụ không phù hợp hoàn toàn có thể dẫn đến kết quả không mong muốn và không đáp ứng được mục đích đề ra cũng như ngược lại.

Đối với 3 thành tố còn lại, hành vi cũng có tác động tương tự như mục đích/lợi ích đã nêu ở trên bởi hành vi đơn giản chỉ là sự thể hiện mục đích mà thôi. Chủ thể QHQT có thể sử dụng hành vi để tác động tới các yếu tố bên trong và bên ngoài cũng như tác động tới nhận thức trong nước và ngoài nước nhằm tạo sự thuận lợi hơn cho mình.

Khả năng tác động của kết quả tới các thành tố khác

Kết quả chính là công đoạn thứ ba trong quan hệ sau mục đích và hành vi. Kết quả được thúc đẩy bởi mục đích và được tạo ra bởi những hành vi tương tác giữa các chủ thể QHQT. Tuy là công đoạn thứ ba nhưng kết quả có khả năng tác động ngược trở lại tới mục đích và hành vi. Kết quả có thể khiến chủ thể phải điều chỉnh lại lợi ích và hành vi để có được kết quả tốt hơn. Ba công đoạn này gắn bó chặt chẽ với nhau. Chúng ước thúc nhau, quy định nhau và cùng nằm trong một thể thống nhất là QHQT.

Bên cạnh đó, kết quả cũng có sự liên hệ với 3 thành tố còn lại. Kết quả có vai trò kiểm nghiệm đối với năng lực trong nước và khả năng tận dụng các yếu tố bên ngoài. Kết quả không như kỳ vọng sẽ buộc chủ thể phải xem xét, đánh giá lại các năng lực này. Kết quả có thể làm tăng hoặc giảm năng lực trong nước, đem lại sự ủng hộ hoặc phản ứng trong nước. Kết quả cũng có thể giúp cải thiện hoặc hạn chế các điều kiện bên ngoài. Đồng thời,

kết quả cũng hoàn toàn có thể tác động tới sự điều chỉnh nhận thức chủ quan cho phù hợp hơn để có thể nhận được kết quả tốt hơn.

Khả năng tác động của các yếu tố bên trong tới những thành tố khác

Các yếu tố trong nước là một trong hai cơ sở sinh ra mục đích/lợi ích trong quan hệ với bên ngoài. QHQT phần nhiều được triển khai để phục vụ lợi ích đối nội và nhu cầu trong nước. Nếu nhu cầu trong nước góp phần xác định mục đích/lợi ích thì năng lực và điều kiện bên trong của quốc gia là cơ sở để lựa chọn hành vi, công cụ và là điều kiện đối với kết quả. Năng lực càng mạnh và đa dạng, điều kiện bên trong càng thuận lợi, chủ thể càng có nhiều cơ hội để triển khai các hành vi nhằm thực hiện lợi ích. Không chỉ vậy, các yếu tố bên trong còn là những điều kiện thuận lợi hay hạn chế kết quả của quan hệ đối ngoại. Thực tế cho thấy, các nước có bối cảnh trong nước đoàn kết, ổn định và các năng lực bên trong mạnh thì thường dễ đạt được kết quả QHQT phù hợp với lợi ích của mình hơn. Như vậy, các yếu tố bên trong có thể đóng cả vai trò nguyên nhân, tác động và điều kiện đối với cả 3 công đoạn của quá trình QHQT.

Các yếu tố bên trong cũng có mối liên hệ với các yếu tố bên ngoài. Tình hình và năng lực bên trong luôn được các chủ thể khác tính đến khi tiến hành quan hệ. Năng lực bên trong mạnh có thể giúp hạn chế được những yếu tố bên ngoài bất lợi hoặc tranh thủ tốt hơn những yếu tố thuận lợi từ bên ngoài trong quá trình QHQT. Còn đối với nhận thức chủ quan, các yếu tố bên trong luôn đóng vai trò hoàn cảnh tác động đến nhận thức chủ quan của chủ thể.

Khả năng tác động của các yếu tố bên ngoài tới những thành tố khác

QHQT diễn ra chủ yếu trong môi trường quốc tế và vì thế luôn chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài. Các yếu tố này, nhất là tác động từ hệ thống - cấu trúc quốc tế và chính sách của các nước lớn hoàn toàn có thể tác động và làm thay đổi cả ba công đoạn chính trong QHQT là mục đích/lợi ích, hành vi và kết quả. Đối với lợi ích, các yếu tố bên ngoài không chỉ là cơ sở hình thành nên lợi ích quốc gia mà còn có khả năng tạo ra cơ hội và thách thức cho các lợi ích đó. Ít nhất, các quốc gia cũng thường phải xác định lợi ích ưu tiên, lợi ích cụ thể tùy từng tình huống bên ngoài khác nhau. Đối với hành vi, các yếu tố bên ngoài vừa là căn cứ để lựa chọn hành vi và công cụ thích hợp, vừa là nhân tố bên ngoài tác động thúc đẩy hoặc hạn chế quá trình thực hiện hành vi và triển khai công cụ của chủ thể QHQT. Thực tế cho thấy, các quốc gia thường phải lựa chọn hành vi và công cụ khác nhau trong quan hệ với các đối tác khác nhau. Tương tự, các yếu tố bên ngoài cũng hoàn toàn có thể tác động để làm thay đổi kết quả. Kết quả trong QHQT, vốn là kết quả của sự tương tác giữa các chủ thể QHQT nên đương nhiên phụ thuộc vào cả các đối tác bên ngoài.

Các yếu tố bên ngoài có nhiều khả năng tác động khác nhau đến các yếu tố bên trong. Đó có thể là nguồn lực bổ sung hoặc cái giá phải trả cho các yếu tố bên trong, đó có thể là điều kiện thuận lợi hoặc hạn chế cho việc phát huy các yếu tố bên trong trong việc thực hiện quan hệ đối ngoại. Đối với nhận thức chủ quan, tình hình bên ngoài luôn biến động nên tạo ra áp lực buộc nhận thức chủ quan phải thường xuyên vận động theo để nắm bắt kịp thời những thay đổi, chiều hướng vận động và những khả năng có thể tác động đến quan hệ đối ngoại.

Khả năng tác động của nhận thức chủ quan tới các thành tố khác

Nhận thức chủ quan hiện diện và có tác động trong cả 3 công đoạn của QHQT. Lợi ích quốc gia có thể cơ bản như nhau xong việc xác định lợi ích nào là ưu tiên, quy mô và mức độ

của lợi ích, sự cụ thể hóa lợi ích cũng như điều chỉnh chúng trong những tình huống cụ thể phụ thuộc nhiều vào nhận thức chủ quan. Đối với hành vi, nhận thức chủ quan có vai trò trong việc chọn lựa hành vi và công cụ, trong tính toán cách thức triển khai hành vi và sử dụng công cụ. Nhận thức sai dẫn đến lựa chọn hành vi và công cụ không phù hợp. Đối với kết quả, kết quả như thế nào còn phụ thuộc vào sự mong muốn, tầm nhìn, cách tiếp cận, sự đánh giá và quan niệm của các bên quan hệ.

Nhận thức chủ quan cũng có tác động đến các yếu tố bên trong và bên ngoài thông qua việc nhận diện, đánh giá và chọn lựa cách thức khai thác hay sử dụng chúng. Sự nhận diện, đánh giá các yếu tố này như thế nào sẽ ảnh hưởng nhiều đến việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại. So với các yếu tố bên trong, các yếu tố bên ngoài phức tạp và khó lường hơn bởi vì các chủ thể QHQT thường không kiểm soát được hết. Điều này khiến nhận thức chủ quan thường được rất chú ý trong việc nhận định đánh giá các yếu tố bên ngoài. Ngoài ra, trong phạm vi nào đó, nhận thức chủ quan của chủ thể cũng đóng vai trò tương tự như yếu tố bên trong, còn nhận thức chủ quan của nước khác thì lại được coi là yếu tố bên ngoài.

Như vậy, giữa các thành tố của QHQT luôn tồn tại khả năng tác động đến nhau và điều này đã tạo nên những mối liên hệ giữa chúng. Mối liên hệ này không chỉ giúp kết nối 6 thành tố để tạo nên chỉnh thể QHQT mà còn góp phần tạo ra sự vận động của QHQT. Trong những hoàn cảnh hay tình huống khác nhau, thành tố nào đó có thể thay đổi và từ đó tác động tới các thành tố khác và khiến chúng cũng thay đổi theo. Khi đó, QHQT sẽ có sự vận động. Bởi vai trò như vậy nên sự liên hệ giữa các thành tố này cần phải được tính đến như bước thứ hai trong xây dựng cấu trúc nghiên cứu của khung phân tích QHQT.

4. Kết luận

Qua sự phân tích ở phần 1, có thể thấy 6 yếu tố mục đích, hành vi, kết quả, các yếu tố bên trong, yếu tố bên ngoài và nhận thức chủ quan đều đóng vai trò quan trọng đối với sự hình thành QHQT. Chúng là những bộ phận cấu thành nên và không thể thiếu đối với mọi mối QHQT. Giữa 6 yếu tố này có mối liên hệ qua lại với nhau, làm nên tính chỉnh thể của QHQT. Với vai trò như vậy, 6 yếu tố này chính là những thành tố cơ bản, đặc trưng của QHQT.

Qua sự phân tích về mối liên hệ qua lại với nhau ở phần 2, có thể thấy sự vận động của QHQT xuất phát từ sự vận động của các thành tố kể trên. Sự vận động của từng thành tố đều tác động đến các thành tố kia và từ đó đem lại sự vận động của toàn bộ mối QHQT. Như vậy, 6 thành tố này không chỉ đóng vai trò cấu thành mà còn quy định sự vận động của QHQT.

Bên cạnh đó, 6 thành tố và mối liên hệ giữa chúng còn là nguồn của sự thay đổi QHQT. Thực tế cho thấy, các thành tố luôn có sự vận động và thay đổi. Khi một thành tố thay đổi, tác động của nó đến các thành tố khác cũng thay đổi. Các thành tố khác vì thế có thể được điều chỉnh và đến lượt mình, tác động của chúng tới các thành tố kia cũng sẽ thay đổi theo. Nhìn chung, càng có nhiều thành tố thay đổi hay mức độ thay đổi của các thành tố càng lớn, sự tác động đến các thành tố khác càng cao. Khi đó, QHQT càng thay đổi nhiều và thậm chí có thể thay đổi hẳn.

Kết quả phân tích như vậy đem lại những ý nghĩa nhất định về phương pháp luận nghiên cứu QHQT, trong đó có việc xây dựng cấu trúc nghiên cứu cho khung phân tích

QHQT. Theo đó, trong trường hợp phân tích một mối QHQT với tư cách chỉnh thể, chúng ta có thể xây dựng cấu trúc nghiên cứu gồm 6 thành tố và mối liên hệ giữa chúng.

Cấu trúc này đặc biệt thích hợp khi nghiên cứu các mối QHQT trong thời hiện đại. Điều này được quy định bởi hai xu thế lớn trong sự phát triển của đời sống quốc tế. Thứ nhất là sự phát triển của từng thành tố dẫn đến sự hiện diện của chúng trong QHQT ngày càng nhiều và thường xuyên trong QHQT. Do đó, hoàn toàn có thể coi các thành tố này đóng vai trò như những hằng số trong cấu trúc nghiên cứu của khung phân tích. Thứ hai là sự tương tác giữa các mặt của đời sống quốc gia và quốc tế cũng ngày càng tăng cả về lượng và chất. Điều này làm cho sự liên hệ qua lại giữa các thành tố ngày càng nhiều lên với mức độ ngày càng sâu sắc.

Mặc dù vậy, điều đó không có nghĩa là có cấu trúc nghiên cứu chung cho mọi trường hợp. Các mối QHQT luôn có đặc thù, cho nên trong các trường hợp khác nhau, các hằng số sẽ có vai trò, thứ bậc và vị trí khác nhau. Tương tự như vậy là sự khác nhau về chiều hướng và mức độ tác động qua lại giữa các thành tố cũng khác nhau trong từng trường hợp. Đó là chưa kể mục đích của người nghiên cứu khác nhau sẽ đòi hỏi thiết kế trình tự liên hệ khác nhau giữa các hằng số trong cấu trúc nghiên cứu.

Bên cạnh đó, việc xây dựng cấu trúc nghiên cứu dựa trên các thành tố như những hằng số là chưa đủ mà còn cần phải tính đến các biến số. Trong các trường hợp nghiên cứu khác nhau, các biến số cũng khác nhau và tác động không như nhau. Các biến số có thể gây ảnh hưởng không nhỏ đến nội dung của từng thành tố cũng như mối liên hệ giữa chúng. Vì vậy, xác định các biến số và khả năng tác động của chúng sẽ là bước thứ ba trong xây dựng cấu trúc nghiên cứu của khung phân tích QHQT.

Tóm lại, việc nhận diện 6 thành tố và mối liên hệ giữa chúng chỉ cung cấp cơ sở bước đầu để xây dựng cấu trúc nghiên cứu của khung phân tích QHQT. Nhưng có lẽ đó là bước đầu cần thiết để có được khung phân tích phù hợp cho việc nghiên cứu QHQT. Việc xây dựng cấu trúc nghiên cứu cho khung phân tích như vậy giúp tiếp cận tới bản chất, sự vận động và khả năng thay đổi của QHQT.

Tài liệu tham khảo

- Bull, H. (2012). *The anarchical society: a study of order in world politics*. Bloomsbury Publishing.
- Fearon, J. D. (1998). Domestic politics, foreign policy, and theories of international relations. *Annual Review of Political Science*. 1(1), 289-313.
- Joseph, J. (2008). Hegemony and the structure-agency problem in International Relations: a scientific realist contribution. *Review of International Studies*, 34(1), 109-128.